

KẾT LUẬN**HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI MỘT****BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XVII****về Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Hội nghị lần thứ Mười một, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII cơ bản thống nhất thông qua nội dung Báo cáo Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình; đồng thời, lưu ý một số nội dung sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 02/3/2011 đã phát huy vai trò tích cực trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương, các ngành; định hướng tốt cho việc đầu tư phát triển và kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh. Qua hơn 10 năm thực hiện, nền kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả¹. Kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư xây dựng, cơ bản đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng cao; sự nghiệp phát triển y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội... có nhiều chuyển biến tích cực. Cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện. An ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; quốc phòng - an ninh được giữ vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện quy hoạch giai đoạn trước vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập: Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, chất lượng tăng trưởng chưa cao và năng lực cạnh tranh còn thấp; cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, năng suất lao động xã hội đạt thấp; tái cơ cấu nền kinh tế chưa rõ nét; các chiến lược phát triển kinh tế quan trọng² về cơ bản đều chưa phát huy được; cấu trúc không gian đô thị phân tán, nhỏ lẻ, chưa phân bố hợp lý; kết cấu hạ tầng chưa

¹ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2011-2020 là 7,3%/năm (mục tiêu là 12-13%/năm). GRDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 34,9 triệu đồng, gấp 2 lần năm 2010 (mục tiêu là gấp 2 lần năm 2010); năm 2020 đạt 53,2 triệu đồng, gấp 1,56 lần so với năm 2015 (mục tiêu đến năm 2020 gấp 2 lần năm 2015); Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện 10 năm 2011-2020 đạt 118.191 tỷ đồng (mục tiêu 10 năm là 170.000 tỷ đồng).

² Tập trung phát triển khu kinh tế biển phía Đông Nam, dựa trên cốt lõi dầu khí; Tập trung phát triển kinh tế đô thị Đông Hà, thành một trung tâm trên hành lang kinh tế Đông Tây và phát triển khu kinh tế biên giới, cửa khẩu Lao Bảo, thành 1 trong 8 khu kinh tế cửa khẩu trọng yếu quốc gia.

đồng bộ, hạ tầng giao thông còn kém; chưa coi trọng đúng mức việc phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường; vẫn còn một số vùng khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo vẫn cao.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế nêu trên là do tư duy phát triển dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm và tầm nhìn dài hạn; chưa có các giải pháp mang tính đột phá để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra; chậm đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách tạo sức bật mới cho phát triển; tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của tỉnh còn thấp; cạnh tranh trong thu hút đầu tư ngày càng gay gắt trong khi điều kiện đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh chưa được cải thiện nhiều; liên kết vùng còn yếu; năng lực đội ngũ cán bộ của tỉnh còn có mặt hạn chế, chưa phát huy được các tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong quá trình hội nhập.

II. ĐỊNH HƯỚNG CHỦ YẾU QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG TRỊ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bám sát Quyết định số 776/QĐ-TTg, ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quán triệt sâu sắc, đầy đủ và phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của đất nước; Nghị quyết số 138/NQ-CP, ngày 25/10/2022 của Chính phủ về quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bám sát định hướng của Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Không gian phát triển phải được tổ chức khoa học, hiệu quả, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh, đảm bảo sự đồng bộ và phát huy hiệu quả tiềm năng vùng, liên kết vùng cả ở hai trục Đông - Tây và Bắc - Nam; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số địa bàn có điều kiện thuận lợi về tự nhiên, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nguồn nhân lực chất lượng cao và các tiềm năng, lợi thế nổi trội để hình thành và phát triển các cụm động lực như Khu Kinh tế Đông Nam, Khu công nghiệp Quảng Trị, Khu công nghiệp Quán Ngang, Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá, Khu Kinh tế thương mại xuyên biên giới, các hành lang kinh tế Lao Bảo - Cam Lộ - Đông Hà - Mỹ Thủy, La Lay - Mỹ Thủy... gắn với Hành lang kinh tế Đông - Tây, tạo hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy kinh tế cả tỉnh phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững. Quy hoạch tỉnh phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, từ đồng bằng, hải đảo đến miền núi; phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của nền kinh tế.

Tổ chức không gian phát triển tỉnh, các hành lang kinh tế và hệ thống đô thị phải gắn với phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; gắn kết giữa đô thị và nông thôn; khu vực đất liền với không gian biển; khai thác và sử dụng hiệu quả vùng trời, vùng biển; phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế. Liên kết phát triển trong vùng (huyện, thị xã, thành phố) phải có sự phân công hợp lý, hài hòa giữa các địa phương trong tỉnh nhằm phát huy có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với chất lượng tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm của từng địa phương.

3. Phát triển kinh tế dựa trên các trụ cột chính là công nghiệp - xây dựng, nông nghiệp và du lịch - dịch vụ; trong đó: nông nghiệp tiếp tục là “bệ đỡ” của nền kinh tế, công nghiệp năng lượng là hướng đột phá và du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn.

- Trong công nghiệp, đẩy mạnh phát triển các ngành có lợi thế như: Phát triển công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản (nhất là công nghiệp chế biến gỗ), công nghiệp silicat, các ngành công nghiệp may mặc... Xây dựng Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng của miền Trung vào năm 2030. Ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị làm hạt nhân phát triển công nghiệp. Khai thác có hiệu quả các hành lang kinh tế Bắc - Nam; tiếp tục đầu tư, phát triển các hành lang kinh tế Lao Bảo - Đông Hà, La Lay - Mỹ Thủy; quy hoạch và phát triển công nghiệp phụ trợ dọc Quốc lộ 15D, Quốc lộ 49, đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường tránh phía Tây Đông Hà. Đầu tư hoàn thành, đưa vào vận hành cảng nước sâu Mỹ Thủy, cảng hàng không Quảng Trị, đường ven biển kết nối Hành lang kinh tế Đông - Tây, đường 15D kết nối cảng Mỹ Thủy và cửa khẩu quốc tế La Lay, tuyến đường bộ cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo.

- Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tiềm năng lớn và có khả năng cạnh tranh; phát triển nhanh hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng và phát triển kinh tế số. Nghiên cứu phát triển Khu kinh tế - thương mại Lao Bảo gắn với định hướng phát triển thương mại xuyên biên giới để hình thành Khu kinh tế thương mại biên giới. Thu hút đầu tư, phát triển mạnh dịch vụ vận tải, mạng lưới kho tàng, bến bãi, dịch vụ logistic; phấn đấu Quảng Trị trở thành điểm trung chuyển hàng hóa của các nước trong khu vực.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, theo hướng tập trung phát triển du lịch lịch sử - chiến tranh cách mạng trở thành sản phẩm đặc trưng riêng của Quảng Trị, trở thành thương hiệu du lịch hòa bình của cả nước; kết hợp khai thác tiềm năng du lịch biển, du lịch tâm linh, văn hóa lịch sử, du lịch cộng đồng, khám phá, nghỉ dưỡng... đầu tư hạ tầng du lịch đồng bộ sớm hình thành khu du lịch quốc gia Cửa Việt - Cửa Tùng - đảo Cồn Cỏ.

- Chuyển đổi mạnh mẽ từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp hiệu quả, chất lượng. Tiếp tục thực hiện tốt tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, quy trình canh tác hữu cơ, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, trồng rừng đạt chứng chỉ FSC, trong đó chú ý gắn với vấn đề thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị trên đơn vị sản xuất. Phấn đấu đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung.

- Chú trọng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, hài hoà giữa các ngành kinh tế, trên cơ sở phát huy tối đa các tiềm năng lợi thế riêng có, khác biệt từng địa phương và của tỉnh. Gắn phát triển kinh tế, văn hóa với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh; chủ động tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả, thực chất. Thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Phát triển kinh tế - xã hội phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường sống; khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng và các loại khoáng sản. Bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế - xã hội phải phù hợp với điều kiện tự nhiên.

5. Xây dựng tỉnh Quảng Trị trở thành tỉnh công nghiệp - dịch vụ, mạnh về kinh tế cửa khẩu gắn với kinh tế biển; là một trong những trung tâm năng lượng sạch của vùng, định hướng khai thác hiệu quả các mỏ khí trên biển và có trình độ phát triển thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước; là điểm kết nối và là cửa ngõ ra biển của các nước trên hành lang kinh tế Đông - Tây; là nơi các giá trị văn hóa, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao, quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh, khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý của các đại biểu dự Hội nghị, khẩn trương hoàn chỉnh nội dung báo cáo và thành phần hồ sơ Quy hoạch tỉnh đảm bảo

chất lượng, chặt chẽ, đúng trình tự, quy định của pháp luật và yêu cầu tiến độ đề ra để trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

2. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Kết luận này.

3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện Báo cáo Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các nội dung liên quan theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW Đảng (b/c),
- BCS đảng Chính phủ (b/c),
- Ban Kinh tế Trung ương,
- VPTW Đảng, VP Chính phủ,
- Vụ địa phương I, VPTW,
- Các Vụ ĐP tại Đà Nẵng,
- Đảng ủy QK4,
- Đảng đoàn HĐND, BCS đảng UBND tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY

BÍ THƯ



Lê Quang Tùng

